

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Phương.
2. Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 1/27, ấp L, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Thu B**, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà K531B, khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:**

Anh T và chị B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung không có mâu thuẫn nhưng sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm không còn và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên anh T yêu cầu ly hôn với chị B.

Anh chị sống chung có hai người con là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Như Y, sinh năm 1999. Hiện tại, hai con đều đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Thu B trình bày:***

Chị B thống nhất lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị và anh T sống chung không có mâu thuẫn nhưng do gia đình chồng hà khắc nên chị B bỏ đi và sống ly thân với anh T từ năm 2003 đến nay, do đó chị B đồng ý ly hôn với anh T. Hiện tại, hai con chung đều đã thành niên nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận anh T và chị B là vợ chồng; con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T và bị đơn chị Huỳnh Thị Thu B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị B là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Huỳnh Thị Thu B tự nguyện chung sống vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn nhưng do gia đình anh T hà khắc nên chị B bỏ đi và anh chị không còn sống chung từ năm 2003 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị B thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc anh T và chị B chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh T và chị B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T và chị B có hai người con là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Như Y, sinh năm 1999. Hiện tại, con chung đều đã thành

niên, anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị B đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, án phí là 300.000 đồng.

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Hữu T và chị Huỳnh Thị Thu B là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh T và chị B có hai người con là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Như Y, sinh năm 1999. Con chung đã thành niên nên anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020531 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu